BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1024 /BTTTT-BC

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

V/v lấy ý kiến góp ý dự thảo Thông tư quy định chi tiết một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 55/2016/QĐ-TTg

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 1033
Ngày: 30.3.17
Chuyển: PVHCC

Kính gửi:

- Các Bộ, Ngành, cơ quan Trung ương;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ khoản 2 Điều 12 Quyết định số 55/2016/QĐ-TTg ngày 26/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, Bộ Thông tin và Truyền thông đã dự thảo Thông tư quy định chi tiết một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 55/2016/QĐ-TTg (dự thảo Thông tư).

Căn cứ khoản 2, Điều 101 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, Bộ Thông tin và Truyền thông trân trọng đề nghị Quý Bộ/Cơ quan xem xét và cho ý kiến về dự thảo Thông tư.

Văn bản góp ý của Quý Bộ/Cơ quan xin gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Bưu chính) trước ngày 20 /04/2017. Sau ngày này, nếu không nhận được văn bản trả lời thì Bộ Thông tin và Truyền thông xin được hiểu rằng Quý Bộ/Cơ quan đồng ý với nội dung của dự thảo Thông tư.

Xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ/Cơ quan./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Nguyễn Minh Hồng

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng Trương Minh Tuấn (để b/c);
- TTr. Nguyễn Minh Hồng;
- Lưu: VT, BC1, LC (193).



BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2017/TT-BTTTT	*Hà Nội, ngày tháng năm 2017*

DỰ THẢO 2.3
Ngày 24/03/2017

THÔNG TƯ
Quy định chi tiết một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 55/2016/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước

Căn cứ Luật Bưu chính ngày 17 tháng 06 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 55/2016/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 41/2011/QĐ-TTg ngày 03 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc chỉ định doanh nghiệp thực hiện duy trì, quản lý mạng bưu chính công cộng, cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ bưu chính quốc tế;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Bưu chính,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định chi tiết một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 55/2016/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 55/2016/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (sau đây được gọi tắt là Quyết định số 55/2016/QĐ-TTg) gồm: dịch vụ; chất lượng dịch vụ; kết nối mạng; an ninh, an toàn trong cung cấp dịch vụ; lưu trữ tài liệu; kiểm tra; báo cáo về việc cung cấp dịch vụ bưu chính KT1.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Cục Bưu điện Trung ương, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.

Chương II
DỊCH VỤ VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Điều 3. Dịch vụ bưu chính KT1

1. Dịch vụ bưu chính KT1 là dịch vụ chấp nhận, vận chuyển và phát bưu gửi KT1 trên Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, bao gồm: Thư, gói, kiện tài liệu trong phạm vi nội tỉnh và liên tỉnh.

2. Các dịch vụ bưu chính KT1:

a) Dịch vụ KT1 là dịch vụ chấp nhận, vận chuyển và phát bưu gửi KT1 không có yêu cầu về độ khẩn và độ mật.

b) Dịch vụ KT1 theo độ khẩn:

Dịch vụ KT1 Hỏa tốc là dịch vụ chấp nhận, vận chuyển và phát bưu gửi KT1 có tốc độ xử lý nhanh.

Dịch vụ KT1 Hẹn giờ là dịch vụ chấp nhận, vận chuyển và phát bưu gửi KT1 đến địa chỉ người nhận theo yêu cầu của người gửi về thời gian phát.

c) Dịch vụ KT1 theo độ mật (A, B, C) là dịch vụ chấp nhận, vận chuyển và phát bưu gửi KT1 có nội dung Tuyệt mật, Tối mật, Mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và có độ tin cậy cao.

Điều 4. Chất lượng dịch vụ bưu chính KT1

Chất lượng dịch vụ bưu chính KT1 bao gồm các tiêu chí sau đây:

1. An toàn bưu gửi: 100% bưu gửi được phát đến địa chỉ nhận theo đúng chỉ tiêu thời gian toàn trình trong tình trạng bưu gửi không bị suy suyển, hư hỏng hoặc làm ảnh hưởng đến nội dung bưu gửi trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian phục vụ: Việc cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 được thực hiện liên tục 24 giờ trong một ngày và 7 ngày trong một tuần, kể cả ngày nghỉ lễ, Tết.

3. Tần suất thu gom và phát:

- Tần suất thu gom: Tối thiểu 2 lần/ngày;

- Tần suất phát: Tối thiểu 2 lần/ngày.

4. Thời gian toàn trình:

a) Thời gian toàn trình dịch vụ bưu chính KT1 là khoảng thời gian tính từ khi bưu gửi KT1 được nhận gửi cho tới khi được phát lần thứ nhất đến địa chỉ nhận ghi trên bưu gửi;

b) Thời gian toàn trình dịch vụ bưu chính KT1 được xác định theo công thức J + n (trong đó J là ngày nhận gửi, được thể hiện bằng dấu ngày trên bưu gửi; n là số ngày làm việc), cụ thể:

- Trong phạm vi nội tỉnh:
Đối với dịch vụ KT1: Tối đa J + 1,5;
Đối với dịch vụ KT1 Hỏa tốc: Tối đa J + 1;

Đối với dịch vụ KT1 Hẹn giờ: Tối thiểu 4 giờ kể từ khi bưu gửi KT1 được nhận gửi cho tới khi được phát lần thứ nhất đến địa chỉ nhận ghi trên bưu gửi trong khu vực nội thành và 12 giờ đối với khu vực ngoại thành.

- Trong phạm vi liên tỉnh:

Đối với dịch vụ KT1: Tối đa J + 3,5;

Đối với dịch vụ KT1 Hỏa tốc: Tối đa J + 2;

Đối với dịch vụ KT1 Hẹn giờ: Tối thiểu 24 giờ kể từ khi bưu gửi KT1 được nhận gửi cho tới khi được phát lần thứ nhất đến địa chỉ nhận ghi trên bưu gửi. Trường hợp đặc biệt, đơn vị cung cấp dịch vụ và đối tượng phục vụ thống nhất về thời gian phát bưu gửi KT1 Hẹn giờ.

c) Đối với các địa chỉ nhận tại địa bàn thuộc danh mục vùng có điều kiện địa lý đặc biệt theo Thông tư số 28/2015/TT-BTTTT ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định danh mục vùng có điều kiện địa lý đặc biệt áp dụng tần suất thu gom và phát đặc thù trong cung ứng dịch vụ bưu chính công ích thì thời gian toàn trình dịch vụ bưu chính KT1 quy định tại điểm b khoản 4 Điều này: Thêm 01 ngày.

d) Cục Bưu điện Trung ương quy định chi tiết thời gian toàn trình dịch vụ bưu chính KT1 trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh (bao gồm cả thời gian toàn trình giữa các thành phố trực thuộc trung ương; thời gian toàn trình giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) và thời gian toàn trình đối với các trường hợp đặc biệt của dịch vụ KT1 Hẹn giờ nhưng không được trái với thời gian toàn trình quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

5. Thời gian giải quyết khiếu nại:

Cục Bưu điện Trung ương quy định chi tiết và công bố thời gian giải quyết khiếu nại nhưng không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại đối với dịch vụ bưu chính KT1.

Chương III
KẾT NỐI MẠNG

Điều 5. Quy định chung về kết nối mạng

1. Cục Bưu điện Trung ương và Tổng công ty Bưu điện Việt Nam phải bảo đảm các yêu cầu về tiêu chuẩn người lao động tham gia trực tiếp vào quá trình cung cấp dịch vụ bưu chính KT1, các điều kiện về trang, thiết bị, phương tiện chuyên dùng theo quy định về nghiệp vụ và các điều kiện liên quan khác để việc kết nối mạng được thực hiện thuận lợi trong mọi tình huống tại các công đoạn cung cấp dịch vụ bưu chính KT1.

2. Việc kết nối mạng giữa Cục Bưu điện Trung ương và Tổng công ty Bưu điện Việt Nam được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận và thống nhất theo các quy định của Thông tư này và pháp luật liên quan.

Điều 6. Hợp đồng kết nối

1. Hợp đồng kết nối là thỏa thuận được ký kết giữa Cục Bưu điện Trung ương và Tổng công ty Bưu điện Việt Nam để bảo đảm cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Hợp đồng kết nối phải có những nội dung chính sau:

a) Thông tin chung về đơn vị (tên, địa chỉ trụ sở, số điện thoại) và người đại diện của đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện hợp đồng kết nối (họ và tên; chức vụ; số điện thoại liên hệ; địa chỉ thư điện tử...).

b) Các thông tin liên quan đến việc thực hiện kết nối:

- Thời gian thực hiện kết nối;
- Địa điểm kết nối;
- Quy định về điều kiện của người lao động tham gia trực tiếp vào quá trình cung cấp dịch vụ bưu chính KT1;
- Chất lượng dịch vụ;
- Chi phí kết nối;
- Đối soát sản lượng bưu gửi và xác nhận chất lượng dịch vụ;
- Quy định về giảm trừ giá trị thanh toán khi có vi phạm nghĩa vụ;
- Quy định về cơ sở dữ liệu, chia sẻ dữ liệu trong cung cấp dịch vụ;
- Phối hợp xử lý khi có khiếu nại về chất lượng cung cấp dịch vụ hoặc có sự cố về an ninh, an toàn trong cung cấp dịch vụ;
- Quyền và nghĩa vụ khác của các bên;
- Thông tin về đầu mối liên hệ của các bên (họ và tên; chức vụ; số điện thoại liên hệ; địa chỉ thư điện tử...) và thông báo bằng văn bản khi có sự thay đổi thông tin về đầu mối liên hệ.

c) Các nội dung khác (nếu có).

3. Hợp đồng kết nối được ký kết theo định kỳ (hàng năm/nhiều năm).

Điều 7. Báo cáo dự thảo Hợp đồng kết nối

1. Cục Bưu điện Trung ương chủ trì, phối hợp với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông về dự thảo Hợp đồng kết nối trước khi ký kết.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được dự thảo Hợp đồng kết nối, trường hợp xét thấy cần thiết, Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến bằng văn bản yêu cầu Cục Bưu điện Trung ương chủ trì, phối hợp Tổng công ty Bưu điện Việt Nam giải trình, cung cấp thêm thông tin và tài liệu có liên quan đến nội dung dự thảo Hợp đồng kết nối để bảo đảm việc cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước phải tuân thủ các quy định của pháp luật.

3. Khi có sửa đổi, bổ sung các nội dung chính của Hợp đồng kết nối đã ký kết, Cục Bưu điện Trung ương có trách nhiệm báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông.

Chương IV
AN NINH, AN TOÀN TRONG CUNG CẤP DỊCH VỤ

Điều 8. Bảo đảm an ninh, an toàn

Việc bảo đảm an ninh, an toàn trong cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 55/2016/QĐ-TTg và các yêu cầu sau:

1. Các cơ sở khai thác dịch vụ bưu chính KT1 của Cục Bưu điện Trung ương được trang bị phương tiện chuyên dùng để chuyển phát bưu gửi KT1, thiết bị

chuyên dùng để soi chiếu, kiểm tra, bảo đảm an ninh, an toàn và phải được bố trí lực lượng bảo vệ chuyên trách.

2. Các bưu điện tỉnh, thành phố thuộc Tổng công ty Bưu điện Việt Nam phải bố trí riêng khu vực khai thác dịch vụ bưu chính KT1.

3. Túi và hộp chứa bưu gửi KT1 phải được làm bằng chất liệu chống cháy, chống vỡ, có khóa bảo mật và có định vị. Trường hợp túi chứa bưu gửi KT1 làm bằng chất liệu vải dai bền, chống thấm nước, chống bắt lửa thì trong quá trình vận chuyển phải được bảo quản trong thùng chuyên dụng làm bằng chất liệu chống cháy, chống vỡ, chống nước, có khóa bảo mật để bảo đảm an toàn tuyệt đối.

4. Ô tô, xe máy dùng để vận chuyển và phát bưu gửi KT1 phải có thùng bằng chất liệu chống cháy, chống vỡ, chống nước, có khóa bảo mật và có định vị.

5. Trong trường hợp cần thiết khi vận chuyển và phát bưu gửi KT1 mang bí mật nhà nước phải bố trí người bảo vệ trong suốt quá trình cung cấp dịch vụ bưu chính KT1.

6. Hệ thống máy tính phục vụ cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 phải được bảo đảm an toàn thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm của Cục Bưu điện Trung ương

1. Triển khai các biện pháp bảo vệ an toàn cơ sở hạ tầng Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước do Cục Bưu điện Trung ương quản lý, khai thác; phát hiện, ngăn chặn kịp thời trường hợp lợi dụng việc cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 để hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

2. Tuân thủ nghiêm các quy định về tuyển chọn người lao động và quy định nghiệp vụ, quy trình cung cấp dịch vụ bưu chính KT1.

3. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá về mức độ an ninh, an toàn; triển khai những biện pháp phòng tránh và khắc phục kịp thời khi xảy ra sự cố trong cung cấp dịch vụ bưu chính KT1.

4. Bảo đảm bí mật của các thông tin riêng liên quan đến cơ quan, tổ chức và cá nhân sử dụng dịch vụ bưu chính KT1 theo quy định của pháp luật.

5. Khi soi chiếu, kiểm tra an ninh bưu gửi, phát hiện hoặc nghi ngờ mất an ninh, an toàn phải kịp thông báo cơ quan Công an có thẩm quyền để xử lý.

6. Triển khai công tác đào tạo, tuyên truyền nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia trực tiếp vào quá trình cung cấp dịch vụ bưu chính KT1.

7. Báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố về an ninh, an toàn trong cung cấp dịch vụ bưu chính KT1.

Điều 10. Trách nhiệm của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam

1. Phối hợp Cục Bưu điện Trung ương trong triển khai các biện pháp bảo vệ an toàn cơ sở hạ tầng cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 phục vụ đối tượng cấp địa phương; phát hiện, ngăn chặn kịp thời trường hợp lợi dụng việc cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 phục vụ đối tượng cấp địa phương để hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

2. Tuân thủ nghiêm các quy định về tuyển chọn người lao động và quy định nghiệp vụ, quy trình cung cấp dịch vụ bưu chính KT1.

3. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá về mức độ an ninh, an toàn trong cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 phục vụ đối tượng cấp địa phương; triển khai những biện pháp phòng tránh và khắc phục kịp thời khi xảy ra sự cố trong cung cấp dịch vụ bưu chính KT1.

4. Bảo đảm bí mật của các thông tin riêng liên quan đến cơ quan, tổ chức và cá nhân sử dụng dịch vụ bưu chính KT1 theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp Cục Bưu điện Trung ương triển khai công tác đào tạo, tuyên truyền nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia trực tiếp vào quá trình cung cấp dịch vụ bưu chính KT1.

6. Phối hợp Cục Bưu điện Trung ương báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố về an ninh, an toàn trong cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 phục vụ đối tượng cấp địa phương.

Chương V
LƯU TRỮ TÀI LIỆU

Điều 11. Tài liệu

1. Tài liệu bản giấy về bưu gửi KT1 là các tài liệu được tạo lập ở dạng văn bản hình thành trong quá trình cung cấp dịch vụ bưu chính KT1. Tài liệu lưu trữ bản giấy phải được bảo quản và sử dụng trong thời hạn lưu trữ quy định tại Điều 12 Thông tư này.

2. Tài liệu điện tử về bưu gửi KT1 là tài liệu được tạo lập ở dạng thông điệp dữ liệu hình thành trong quá trình cung cấp dịch vụ bưu chính KT1. Tài liệu lưu trữ điện tử phải đáp ứng các tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào, phải bảo đảm độ xác thực, an toàn và khả năng truy cập; được bảo quản và sử dụng theo phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ riêng biệt theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Thời hạn lưu trữ tài liệu

Thời hạn lưu trữ của Cục Bưu điện Trung ương và Tổng công ty Bưu điện Việt Nam đối với tài liệu bản giấy là 02 (hai) năm và tài liệu điện tử là 10 (mười) năm, kể từ ngày bưu gửi được chấp nhận.

Cục Bưu điện Trung ương và Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu lưu trữ; giải trình và cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

Chương VI
KIỂM TRA

Điều 13. Kiểm tra theo định kỳ và đột xuất

1. Kiểm tra theo định kỳ: Tối thiểu 01 lần/năm.

a. Thẩm quyền kiểm tra:

Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện kiểm tra định kỳ theo kế hoạch việc cung cấp dịch vụ KT1 trên toàn mạng lưới. Cục Bưu điện Trung ương thực hiện

kiểm tra định kỳ việc cung cấp dịch vụ KT1 theo kế hoạch phục vụ đối tượng cấp địa phương.

b. Nội dung kiểm tra bao gồm: việc chấp hành các quy định quản lý về dịch vụ; chất lượng dịch vụ; kết nối mạng; an ninh, an toàn và các nội dung liên quan khác trong cung cấp dịch vụ bưu chính KT1.

2. Kiểm tra đột xuất:

Việc kiểm tra đột xuất về cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 do Bộ Thông tin và Truyền thông và Cục Bưu điện Trung ương quyết định khi cần thiết.

3. Khi kiểm tra đột xuất, cơ quan quyết định kiểm tra phải thông báo thời gian, nội dung kiểm tra cho đơn vị được kiểm tra biết trước tối thiểu 01 (một) ngày làm việc trước ngày tiến hành kiểm tra.

Điều 14. Chi phí kiểm tra

Chi phí kiểm tra do ngân sách nhà nước cấp và được bố trí trong dự toán kinh phí hoạt động của cơ quan kiểm tra.

Chương VII
BÁO CÁO, GIAO BAN

Điều 15. Báo cáo

1. Trước ngày 20 tháng 01 và ngày 20 tháng 7 hàng năm, Cục Bưu điện Trung ương có trách nhiệm báo cáo định kỳ bằng văn bản về việc cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 và các nội dung liên quan khác trong 06 tháng trước đó về Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Bưu chính).

2. Cục Bưu điện Trung ương có trách nhiệm báo cáo đột xuất Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Bưu chính) về việc cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 và các nội dung liên quan khác khi có yêu cầu.

3. Tổng công ty Bưu điện Việt Nam có trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc báo cáo đột xuất cho Cục Bưu điện Trung ương và Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Bưu chính) về việc cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 và các nội dung liên quan khác hoặc khi có yêu cầu.

Điều 16. Giao ban

Ngày thứ Sáu cuối cùng của tháng, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức giao ban quản lý nhà nước về dịch vụ bưu chính KT1 nhằm cập nhật thông tin trên toàn mạng lưới để kịp thời xử lý và chấn chỉnh những vướng mắc phát sinh, bảo đảm việc cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 đạt chất lượng tốt.

Chương VIII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Vụ Bưu chính

a) Chủ trì xem xét dự thảo Hợp đồng kết nối;

b) Chủ trì kiểm tra về dịch vụ; chất lượng dịch vụ; kết nối mạng; an ninh, an toàn; lưu trữ tài liệu; báo cáo và các nội dung liên quan khác trong cung cấp dịch bưu chính KT1.

2. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Kiểm tra, giám sát về dịch vụ; chất lượng; an ninh, an toàn; lưu trữ và các nội dung liên quan khác trong cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 ở địa phương;

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 15 Quyết định số 55/QĐ-TTg.

3. Trách nhiệm của Cục Bưu điện Trung ương

a) Báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông dự thảo Hợp đồng kết nối;

b) Kiểm tra về dịch vụ; chất lượng dịch vụ; kết nối mạng; an ninh, an toàn; lưu trữ tài liệu; báo cáo và các nội dung liên quan khác trong cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 phục vụ đối tượng cấp địa phương;

c) Báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông bằng văn bản về dịch vụ; chất lượng dịch vụ; kết nối mạng; an ninh, an toàn; lưu trữ tài liệu, kết quả kiểm tra việc cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 ở địa phương và các nội dung liên quan khác theo quy định.

4. Trách nhiệm của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam

a) Phối hợp Cục Bưu điện Trung ương xây dựng, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông dự thảo Hợp đồng kết nối;

b) Báo cáo Cục Bưu điện Trung ương và Bộ Thông tin và Truyền thông về dịch vụ; chất lượng; kết nối; an ninh, an toàn và các nội dung liên quan khác theo quy định.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2017.

Chánh Văn phòng; Vụ trưởng Vụ Bưu chính; Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính; Cục trưởng Cục Bưu điện Trung ương; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, các tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Bưu chính) để xem xét, bổ sung, sửa đổi./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng TBT;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Tỉnh ủy, Thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;

BỘ TRƯỞNG

Trương Minh Tuấn

- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Cổng TTĐT Chính phủ, Công báo;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Cổng TTĐT Bộ;
- Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam;
- Lưu: VT, BC.